

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 11 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 44

## PHẨM CÚNG DƯỜNG THÂN CẬN VÔ LƯỢNG

Trên đây, bảy phẩm nói về hạnh tự phần lợi mình, lợi người đã xong.

Dưới đây là hai phẩm nói về thắng tấn của công hạnh ấy. Trong đó, trước, là phẩm Cúng dường, nói chung về hạnh lợi mình, lợi người, tùy duyên tạo nên hạnh tu. Sau, phẩm Bồ-đề phần, là nói về hạnh nội chứng kia.

Nay, trong phẩm này nói rộng về cúng dường Tam Bảo, gần gũi bạn lành, tu Bốn Vô lượng, cho nên dùng để nêu danh.

Trong văn, trước hỏi, sau đáp. Trong đáp, trước nêu bài tụng, chia ra ba chương môn. Sau là dựa vào môn để nói, giải thích, tức là ba đoạn:

Đầu tiên, văn giải thích cúng dường chia làm hai: Trước, nói về mười thứ cúng dường. Sau, nói về sáu thứ ý lạc tăng thượng.

Trong phần trước lại có hai:

- a) Nói về cúng Phật.
- b) So sánh cúng Pháp, Tăng.

Trong phần trước có ba:

- a) Hỏi.
- b) Đáp.
- c) Kết.

Trong phần đáp trước, nêu mười môn. Sau, dựa vào môn để phân tích.

Một cặp sơ, nhị trong mười môn, nghĩa là cúng dường thân Phật kể cả Chế-đa. Luận sư Cảnh nói “Thiết-lợi-la, Hán dịch là Thể. Nghĩa là cúng dường Thể của Phật.

Ca-Da, dịch là Thân. Xá-lợi là nếp, lúa. Lại, đệ tử Phật, gọi là Xá-lợi-tử, nên nói là Xá-lợi-phất-đa. Xá-lợi là chim biết nói. Mẹ tên Xá-lợi, vì có đôi mắt giống như con chim kia.

Phất-Đa, dịch là Tử. Nay, vì chữ Xa này khó nói, nên lại nói là Xá-lợi-tử.

Nói Chế-đa, ngài Tam tạng nói “chứa nhóm. Chứa nhóm gạch, đá, cho đến vàng, bạc để làm tháp Phật. Do xây dựng tháp Phật, nên có thể khiến mình, người khác chứa nhóm nghiệp phước, cũng gọi là chứa nhóm, bên trong đôi khi có thờ Xá-lợi, hoặc không có, đều là tháp Phật, đều tên là Chế-đa.”

Tốt-đổ-ba là nghĩa cao, tỏ rõ, cũng tương đương với nghĩa Phù-đồ của Xứ này.

Pháp sư Thái nói “Thiết-Lợi-La, Hán dịch là Thân, nghĩa là gần gũi cúng dường sắc thân Như lai. Xá-lợi là âm sai.

Tốt-đổ-ba, Hán dịch là chỗ cúng dường. Cựu luận nói Phù-đồ là âm sai. Theo bản Phạm gọi là Bội Đà, Chế-đa, Hán dịch là Cao Thắng, là chỗ tốt đẹp.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Thiết-lợi-la là Thể, tức là thể của Đức Phật. Ở đoạn văn dưới đây dù nói là cúng dường Sắc thân Phật, nhưng vì ngụ ý cúng dường Pháp thân Chân Phật, nên nói là Thể.”

Luận sư Trắc nói “Theo pháp phương Tây, phần nhiều là nơi thờ Xá-lợi Phật, gọi là Chế-đa. Hoặc theo Luật-Tăng-kỳ nói rằng “Nơi có Xá-lợi, gọi là tháp, không có Xá-lợi gọi là Chi Đề.”

Kế là, một cặp hai hiện tiền, không hiện tiền. Kế là, một cặp hai tự mình làm, bảo người khác làm, tức thứ bảy, tức bảy thứ trước.

Đối với sự nhiều của, vận dụng tâm rộng lớn, gọi là cúng dường rộng lớn, tức tám thứ ở trước. Tịnh tâm cúng dường, gọi là không có nhiệm.

Chín thứ trên đây, là cúng tài vật, chánh hạnh thứ mười là cúng dường hạnh.

Trong phần dựa vào môn để phân biệt, tức chia làm hai:

- 1) Nói về chín thứ cúng dường tài ở trước.
- 2) Nói về cúng dường hạnh thứ mười.

Trong phần trước, gồm có:

- a) Nói có chín thứ cúng dường tài, hạnh
- b) “Nếu không có sức” trở xuống, là kế là, nói không có tài, vận dụng tâm để cúng dường.

Trong phần trước, lại có hai:

1) Nói riêng chín thứ

2) Nói chung.

(1) và (2) trong phần trước rất dễ hiểu.

Y cứ giải thích hiện, bất hiện trong phần trước, văn chia làm hai: Trước, nói về cúng dường hiện, không hiện. Sau, nói về cúng dường sẽ được quả khác nhau.

Trong phần trước có ba:

1) Hiện đối trước Phật và hiện đối với Chế-đa cúng dường.

2) Chung cho hiện, không hiện.

3) Không hiện cúng dường.

Nói “Nếu một Pháp tánh Như lai, tức là Pháp tánh Như lai ba đời. Một tánh Chế-đa tức là tất cả Pháp tánh của Chế-đa trong mười phương, nghĩa là lý Chân như đồng với thể của Pháp thân là một.

Thời nay, Bồ-tát đối với một Như lai và một Chế-đa, “duyên” Pháp tánh của Như lai và Chế-đa ấy, Khởi lên ý cúng dường, tức là vận dụng tâm Như lai khắp mười phương và Chân như Chế-đa, đều Khởi cúng dường.

Đối với tất cả Như lai, tất cả Chế-đa, không hiện tiền, đối với Phật ba đời và Chế-đa, thi thiết cúng dường, nghĩa là ngay khi vận dụng tâm, không nhìn thấy Phật và Chế-đa, gồm đối với Đức Phật hiện tại của phương khác và với Chế-đa, đều tưởng đến Phật quá khứ, vị lai và Chế-đa, không hiện cúng dường. Dưới đây, sẽ nói về đắc quả.

Đắc quả có hai:

1) Thành đức Nhân.

2) Thành đức Quả.

Đức nhân có ba:

a) Gồm phạm hạnh, phước rộng nhiều công đức.

b) Nói về xa lìa lỗi, không rơi vào đường ác.

c) Có công năng thành tựu tư lương Bồ-đề.

Trong văn, đại khái nói về cúng dường không hiện tiền để trở thành đức nhân.

Trong thành tựu đức quả, trước nói về hiện cúng chỉ đối với một vị Phật và một Chế-đa, tâm, cảnh ít, hẹp, chỉ được quả lớn. Kế là, “duyên” Đức Phật không hiện và Chế-đa, tâm, cảnh rộng dần, được quả rộng lớn. Thứ ba, cúng hiện, không hiện ở trước, cảnh khắp, tâm khắp, hạnh được quả trên hết.

Kế là, trong phần nói về tự làm, bảo người khác, làm 1) Nói về ba thứ cúng dường. 2) Nói về được quả không đồng.

Nói “Không dựa vào sự lười biếng, trễ nãi, các chồn bụng lung. Cự luận nói “Không có chữ “Xử”. Nói là Xử, nay cho là chỗ thường dựa, nằm và chỗ của lỗi quấy. Không được dựa vào chỗ này mà đặt bày cúng dường.

Trong giải thích về tài cung kính, như Cự luận nói “tài Vô tận là của hơn.” Nhưng xét trong bản Phạm, không có nói của tài hơn. Nay, nói là tài Vô lượng, nghĩa là đã được định tự tại của vật mà Bồ-tát đã hóa hiện ra là để cúng dường Vô tận.

Ngài Tam tạng nói “Pháp sư Viễn nói Vô tận là nhiều.”

Trong sự rộng lớn. Luận sư Cảnh nói “Đầu tiên, là nhắc lại trước, khởi sau, nghĩa là trên đã bày tỏ tài cung kính cúng dường, để nhắc lại trước. Dưới đây, biện minh về tướng rộng, hoặc nhiều mẫu nhiệm, nghĩa là hai thứ này nói về vật rộng. “Hoặc hiện, không hiện, hoặc tự làm, bảo người khác làm, bốn thứ này nói về sự rộng.”

“Hoặc tâm thuần tịnh...” trở xuống, là nói tâm người kia rộng. Dưới đây, nhắm vào lấy bảy thứ cúng dường ở trước, khéo Xa cầu Bồ-đề để giải thích về nghĩa rộng lớn. Pháp sư Cơ nói “Bảy thứ gọi là trên là nhiều đối tượng cúng dường, tức phụng thí tài Vô tận, là đối tượng cúng dường mẫu nhiệm.

Lại tức tài cung kính cúng dường, như đã nêu trên là chung. Nói chung, là nêu như trên, hoặc nhiều thứ cúng dường là thứ nhất, cúng dường mẫu nhiệm là thứ hai, cho đến tâm thuần tịnh, mạnh mẽ, nhạy bén, thẳng giải là bảy.

Pháp sư Tuệ Viễn nói “Nếu các Bồ-tát ở chỗ Như lai là một, chỗ Chế-đa là hai, cho đến ba thứ tài cúng dường, nhiều mẫu nhiệm v.v...; hiện tiền bốn, không hiện tiền năm, tự làm sáu, người khác làm bảy.”

Hoặc tâm thuần tịnh...” trở xuống, là giải thích sự phát tâm trên, về ý nghĩa có trở ngại. Lại ý văn có trái, lấy gì làm bảy, nghĩa là trong đây, nói về sự rộng lớn, là ý ở tâm tài cúng dường, kể cả vật tự mong cầu Bồ-đề, mà lấy Như lai, Chế-đa là không đúng, vì cảnh được cúng dường. Các Pháp sư đều đồng với giải thích này.

Nay, Đại sư dựa vào thứ hai để giải thích “Dùng nhiều tài của là thứ nhất; của mẫu nhiệm là thứ hai; cho đến tâm thuần tịnh là thứ bảy.” Luận sư Trắc đồng với giải thích của Pháp sư Viễn .

Cúng dường vô nhiễm có sáu. Luận sư Cảnh nói:

- 1) Không có tâm khinh dễ, ngạo mạn
- 2) Không có tâm bụng lung, biếng nhác
- 3) Không khinh thường vất bỏ, tâm không tản mạn, tâm không tạp

nhiễm.

4) Không giả dối đặt bày cúng dường.

5) Không được xoa “thư hoàng” vào kinh, tượng, vì nó hôi hám. Không được dùng bơ dầu để tắm, rưới tượng.

6) Không dùng hương Cuộc-quật-La, vì khi đốt, nó tỏa ra mùi rất hôi, giống như mùi hôi của keo ở trong đây, mùi hôi của hoa Át-Ca v.v...

Nên dùng hoa thơm v.v... làm vật cúng dường. Hoa này to như tay người, màu đỏ thắm như thịt. Đây là hoa phước ca thời Bàn-Lập .

Pháp sư Thái nói “Người phương Tây cúng dường hình tượng Chư thiên, quý thần ở miếu, hoặc dùng thư hoàng, đồ tế để rưới, vì đều là vật hôi hám, nên gọi là cúng dường nhiễm ô.”

Bồ-tát không như thế. Cuộc-quật-la, Hán dịch nói là An tất hương; hoa Át Ca là hoa màu đỏ, đều là loại hoa thơm để cúng dường thần, quý, do đó, không nên dùng để cúng dường Phật.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nói vô nhiễm có sáu, nghĩa là có năm chữ cúng dường là năm, trong chữ cúng dường thứ ba được chia làm hai:

Không khinh thường, vứt bỏ, nghĩa là không ném vật cúng dường, tức là một, không tản mạn, không tạp nhiễm là một, nên có sáu thứ.

Pháp sư tuệ Viễn giải thích hoàn toàn khác ở đây.

Luận sư Trắc nói

- 1) Tự tay cúng dường
- 2) Lìa khinh khi, ngạo mạn
- 3) Lìa lỗi buông lung v.v...
- 4) Lìa khinh miệt v.v...
- 5) Lìa dua nịnh, giả dối, tham lam.
- 6) Lìa lỗi tài vật nhiễm.

Trên đây, là nói riêng chín thứ cúng dường, dưới đây là nói chung, trong đó,

1) Nói dùng ba tài của làm chín thứ cúng dường ở trước.

2) Nói về Bồ-tát tự tại hóa ra sự cúng dường.

Ba thứ tài của là:

- 1) Tự lực được.
- 2) Từ người khác được.
- 3) Được mọi dụng cụ, của báu tự tại.

Trong văn thứ hai, có bốn trường hợp:

- 1) Nói về hóa ra nhiều thân để cung kính, lễ bái.
- 2) Nói về mỗi hóa thân hóa ra nhiều tay cầm hoa cúng dường.

3) Nói về tất cả hóa thân đều phát ra âm thanh mẫu nhiệm khen ngợi Đức Phật.

4) Nói về hóa ra các dụng cụ trang sức để cúng dường Như lai.

Dưới đây nói: “Do Bồ-tát này đã được chứng nhập Địa v.v... bất thối chuyển.”

Luận sư Trắc nói “Do đã nhập Đệ bát Địa trở lên, nên thường ở Tịnh độ, thường thấy thân tha thọ dụng của Chư Phật, mà làm việc cúng dường.”

Lại giải thích “Bất thối có hai:

1) Bát Địa trở lên, vì chứng được Vô tướng vô công dụng, nên nhiệm vận thường có tiến, không có lùi.

2) Sơ địa trở lên chứng kiến Chân như vô phân biệt v.v... các kiến phiền não và sự xúc chạm các khổ không thể nghiêng động. Nay, ở trong đây, y cứ chung một thứ không lay động.

Trên đây, đã nói rộng về hữu tài cúng dường, dưới đây, là nói không có tài sức, vận tâm “duyên” ba phẩm dụng cụ trong đại thiên giới kia, để cúng dường Như lai.

Trên đây, nói chung là chín cúng dường ở trước đã xong. Dưới là nói về hạnh cúng dường thứ mười:

1) Chính nói về hạnh.

2) Trong so lường, chỉ bày hạnh vượt hơn.

Luận sư Cảnh chia làm sáu:

1) Tu bốn Vô lượng.

2) Tu bốn pháp.

3) Tu tập tùy niệm.

Ốt-Đà-Nam, Hán dịch nói là nghĩa sơ lược, nghĩa chung. Tam Bảo và Ba-la-mật, tu tập tùy niệm.

4) Tín giải ly ngôn Chân như.

5) Tu ba học.

6) Tu sáu Độ, Bốn nhiếp.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nói tu tướng Vô thường, tướng khổ, tướng Vô ngã, đây là ba pháp ấn. Chẳng nói “không”, tức là đồng với Vô ngã, cho nên không nói.”

Lại nói “Tu tướng thắng lợi về Niết bàn kia, rằng, đây là tụng nói là thường tụng. Già Tha là tụng. Ốt Đà Nam là nhóm (hợp). Ở đây nói đối với Niết-bàn kia, tu tướng thắng lợi là thường tụng.”

Luận sư Trắc nói

1) Nói về Đạo Tư lương.

- 2) “Ít thời gian...” trở xuống, là nói về Đạo phương tiện.
- 3) “Pháp tánh ly ngôn...” trở xuống, là nói về Kiến đạo.
- 4) “Huống chi...” trở xuống, là nói về Tu đạo.

Trong phần trước, nói về bốn Vô lượng. Kế là, nói về pháp ấn. Sau, nói về bốn Niệm, là Phật, Pháp, Tăng, Ba-la-mật-đa.

“Như thế, Bồ-tát ở chỗ Tam bảo...” trở xuống, là thứ hai, nói lúc Khởi sự cúng dường, phát khởi sáu thứ ý lạc tăng thượng.

Hoa mẫu nhiệm Ổ-Đàm, trong đây không có danh từ để dịch. Phương Tây nói là Đại hữu. Cây này không có hoa, chỉ ở trong lá có hạt mà mọc lên. Khi Luân Vương xuất hiện, nó mới trở hoa. Như hoa sen xanh có hoa không có hạt chính là trái với cây Ổ-Đàm-Bát có hạt, không có hoa.

Dưới đây là thứ hai, giải thích về sự gần gũi bạn lành. Trước, là bảy câu hỏi, trong đó, bốn câu hỏi trước hỏi về thể, tướng của bạn lành; ba câu hỏi sau, hỏi về việc cầu pháp.

Trong phần trước, câu hỏi đầu, thành tựu bao nhiêu tính chất tốt mới được làm bạn lành?

Câu hỏi hai: Có bao nhiêu đức tương ưng mới được làm bạn lành giáo hóa không giả dối?

Câu hỏi ba: Thành tựu bao nhiêu tướng, để cho người khác nghe từ xa, rất sinh niềm tin thanh tịnh?

Câu hỏi bốn: Do bao nhiêu thứ tướng đối với đối tượng đã giáo hóa, sinh ra việc bạn lành?

Vấn ba câu hỏi sau rất dễ hiểu.

Dưới đây, dựa vào bảy câu hỏi, theo thứ lớp giải thích:

“Nói oai nghi v.v... mẫu nhiệm vượt hơn. Luận sư Trắc nói “Trong câu hỏi đầu có bốn trường hợp:

Trường hợp đầu, tập lâu, nay thành.

Trường hợp thứ hai, quần áo được xem xét rất kỹ càng.

Trường hợp thứ ba, ba ngàn oai nghi đều đủ.

Trường hợp thứ tư: Toàn thân tề chỉnh, nhìn thấy nghiêm nhiên.

Nói “Bốn câu đối với bạn lành, hoặc chính thức y chỉ ở nghĩa đúng như pháp, hoặc hợp, hoặc ly tùy tự tại chuyển v.v... Pháp sư Cơ nói “đã nương tựa sư nói pháp, nếu đồng với Cự luận thì gọi là hợp, nếu khác nhau, gọi là ly. Hoặc nương tựa kinh, luận v.v... gọi là hợp, nếu phát ra riêng kiến thì sẽ không dựa vào kinh v.v... gọi là ly, đều kiến như pháp, tùy theo Sư tự tại mà không nghiêng động.”

Lại, tự tánh, gọi là hợp; Sai khác, gọi là Ly. Lại, hợp là làm cho

nghĩa này phù hợp nhau, như hợp v.v... trong Nhân minh. Nếu ly, thì sẽ khiến nghĩa này riêng, như ly trong Nhân minh v.v... :

1) Khởi tướng quý báu, vì nghĩa khó được, nghĩa là giáo pháp khó được.

2) Khởi tướng mất, nghĩa là do pháp mở mang, dẫn đường, nhân tuệ rộng lớn, như mất dẫn đường, có thể có sở đắc. Cũng có thể giáo pháp mở mang, dẫn đường có thể sinh Tuệ nhân, vì nhờ mất, nên gọi là khởi tướng mất, do đó được tên quả.

3) Có ý tướng sáng suốt. Đã được Câu sinh Tuệ nhân rộng lớn. Nghĩa là nhắc lại nghĩa ở trước.

Vì nghĩa soi rọi khắp tất cả sở tri v.v... Nghĩa là do giáo pháp soi rọi, sinh ra tuệ v.v... gọi là sáng suốt. Do đó được gọi là quả, nói giáo pháp là sáng suốt.

Trong văn giải thích tu bốn Vô lượng, được chia làm ba:

- 1) Y cứ ở ba duyên, tu bốn Vô lượng.
- 2) Đối với một trăm mười khổ, nói riêng về Tu tuệ.
- 3) Kết khen tướng thắng lợi.

Trong phần trước lại có ba:

- 1) Nêu số, nêu danh.
- 2) Giải thích.
- 3) Phân biệt môn nghĩa.

Trong phần trước, gọi giải thích ở trước là Thể.

Về Thể. Luận sư Cảnh nói “bốn Vô lượng: Từ, bi, hỷ, xả. Nếu chúng sinh “duyên”, nghĩa là theo thuyết Tiểu thừa nói, chỉ quán giả tướng. Từ bi, dùng Vô nhuế làm thể. Hỷ là hỷ căn, xả là Vô tham. Theo giải thích của Đại thừa thì có chung giả, thật. Nếu Bồ-tát mới học vì điều phục tâm mình, nên tu tập giả tướng, phát ra Thể như trước. Nếu học lâu, thì sẽ tự tại cho vui, cứu khổ, có thể có ích thật, tức sử dụng trí tuệ làm Thể.

Pháp “duyên” vô lượng, tức dùng trí quán Nhân không của Chư Phật, Bồ-tát để làm Thể. Chỉ quán nhân duyên của năm uẩn là giả có, rốt ráo không có “nhân”. Do trí quán này, nói bày hữu tình giúp cho họ đồng được, gọi là pháp “duyên” Bốn vô lượng tâm. Vì thế, nên Kinh Duy-ma nói “Quán chúng sinh là thể nào? Đáp “Như mầm (mộng) lúa bị cháy sém, như thân Kiến của Tu-đà-hoàn, như thai người của A-na-hàm, như ba độc của A-la-hán, như tham, nhuế, hủy hoại giới cấm của Bồ-tát đắc nhãn.”

“Nếu vậy, thì sao gọi là Từ?”



Đáp “Được pháp này xong, vì chúng sinh nói, là Từ chân thật.”

Vô duyên Bốn vô lượng, tức là trí Vô phân biệt, xa lìa tất cả phân biệt hí luận. Do được trí này, thấy lý bình đẳng, sự nghiệp lợi tha được thành tựu. Cho nên, lúc bấy giờ gọi là chứng Địa của con một rất đáng yêu. Vì thế, Vô duyên Từ lấy trí vô phân biệt làm Thể tánh. Kinh Niết-bàn cũng nói rằng “Vô duyên, nghĩa là duyên theo Pháp thân Vô duyên của Như lai. Như lai vì lìa phân biệt, nên gọi là Vô duyên.”

Hỏi “Chứng trí, duyên lý đã không có phân biệt, không có tướng lợi vật, sao gọi là Từ?”

Đáp “Như Bồ-tát vì muốn đem lợi ích cho hữu tình, nên cần châu báu như ý. Khi được ngọc báu này rồi, dù không có phân biệt, vẫn có thể tùy theo năng lực phước của chúng sinh mà trên, dưới khởi mây mưa báu, nhằm thành tựu công việc lợi ích. Ở đây cũng thế, Bồ-tát vốn vì sự nghiệp lợi tha, nên đã tu tập trí này. Khi được trí này rồi, dù không có phân biệt, nhưng tùy phước lực của chúng sinh, trên dưới, khởi mây Hựu trí, cho pháp, cho của, mưa các thứ châu báu, tất cả đều hoàn thành, dù không có phân biệt mà là Đại từ.”

Nếu vậy, tại sao trong luận đều xếp trí này, vào gọi là lợi mình?”

Đáp “Vì hai trí khác nhau, nên nói lên thuyết này. Nay, y cứ ở sự nghiệp lợi tha của Hựu trí sở dĩ được thành tựu, đều do Trí Vô phân biệt này, nên nói chứng trí là Thể của Chân từ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Căn lành Vô si của Từ là tánh, căn lành Vô sân của Bi là tánh, căn lành Vô tham của Hỷ là tánh. Xả như số Xả. Nếu theo Tiểu thừa, thì vì dứt trừ “hoặc” trái với tướng trên, nên mượn để nói về quán, mà nay, Đại thừa vì dùng ba cảnh sở duyên, nên thật sự Khởi Vô lượng để cứu giúp chúng sinh.”

Giải thích về danh hiệu của bốn Vô lượng. Vì thương yêu rất mực, gọi là Từ, thương xót, gọi là Bi. Yêu vật, gọi là Hỷ, quên nhớ, gọi là Xả, đều từ nghĩa được danh. Đây là y cứ trong duyên chúng sinh mà giải thích danh.

“Nếu vậy, “duyên” pháp Vô duyên Từ, Bi, Hỷ, Xả làm sao được tên?”

“Duyên” pháp Vô lượng là Trí “Nhân không” còn Vô duyên Vô lượng là trí chứng kia, lúc hai trí khởi, thật sự không có bốn hạnh khác nhau yêu thương, thương xót v.v... Do trí này, nên có thể Khởi hạnh giải của tướng riêng: Từ, Bi, Hỷ, Xả trong duyên hữu tình. Vì từ quả mà được tên. Cho nên, cũng đặt bốn thứ tên.”

Trong giải thích có hai:

- 1) Nêu cảnh của Bốn Vô lượng.
- 2) Đối cảnh để nói về tu.

Đầu tiên, nói rằng “Nếu các Bồ-tát đối với tất cả hữu tình đều được an lập ở ba Nhóm kia, cho là không có khổ, không có vui v.v... :

1) Nhóm tà định, nghĩa là gây ra năm tội nghịch, nhất định đọa Địa ngục.

2) Nhóm chánh định, được Nhẫn xong, bỏ định, được Niết-bàn.

3) Nhóm bất định, ngoại trừ hai nhóm trước còn lại là chúng sinh, Đại, Tiểu thừa đều chấp nhận nghĩa này.

Nay, Du-già y cứ ở chúng sinh mang tánh cố định của Ba thừa, gọi là Chánh định. Người không có tánh của Ba thừa, gọi là tà định. Người có tánh bất định của Ba thừa, gọi là Bất tịnh.

Bồ-tát mới học, đến với ba nhóm này, giả tưởng an lập cho là ba thứ:

1/ Không có khổ, không có vui, tức cảnh của Từ. Từ là cho vui, Từ không “duyên” khổ. Vì “duyên” khổ là Bi. Cảnh của Từ không có khổ. Vì người không có niềm vui, nên cho họ niềm vui, không có khổ cho là cảnh Từ. Có khổ là cảnh Bi. Có vui là cảnh Hỷ. Hỷ vì người kia vui, thì ba cảnh trước, nói chung là cảnh Xả.”

Luận sư Trắc nói “Nếu phân biệt thô sơ, thì bốn Thiền trở lên, gọi là không có khổ, không có vui. Ba đường ác, gọi là có khổ. Ba Thiền trở xuống, là cho đến người, trời cõi Dục, gọi là có vui.

Phân biệt lớn, nhỏ, ở cõi Vô sắc có đủ ba thứ, nên Luận Trí Độ nói “Nghĩa Ma-ha-diễn nói là bốn Vô lượng “duyên” chung cho ba cõi, có cả hữu Lậu, Vô lậu.”

Trong đối cảnh, nói về tu, đầu tiên, đối với Cảnh ban đầu, tu ba thứ Từ.

2/ “Như hữu tình “duyên”...” trở xuống, là so sánh nói đối với ba cảnh, tu ba Vô lượng.

Trong phần trước, dù không có nêu lên cảnh không có khổ, vui, như cảnh có khổ v.v... mà nói là cho vui, tức đã giải thích xong.

An trụ không có trái ngược. Luận sư Trắc nói “Chỉ giả lập hữu tình ở trong uẩn, không có ngã chân thật, nên gọi là hữu tình v.v... không có trái ngược.

Thứ hai, là nói so sánh, nói là xa lìa “hoặc” si, sân, tham. Luận sư Cảnh thuật lại hai giải thích:

- 1) “Xả chúng sinh, đối tượng duyên không có khổ, vui, phần nhiều

sinh ra si. Do Xả Vô lượng, khiến người kia bỏ si. Hữu tình có khổ, thường sinh ra sân. Do sức Xả, nên làm cho chúng bỏ sân. Hữu tình có niềm vui, phần nhiều sinh ra tham. Do sức Xả, nên giúp họ bỏ tham, cho nên nói “như thứ lớp kia, lìa si, sân, tham, tu Xả, đều có tâm.”

2) “Tất cả hữu tình, hoặc có một phần ở thân Bồ-tát, không sinh khổ, vui. Người như thế, phần nhiều sinh ra tâm si của Bồ-tát. Hoặc có một phần ở thân Bồ-tát là oán, sinh khổ, hay sinh ra tâm sân của Bồ-tát.

Thời nay, tu Xả, đối với hữu tình sinh ra khổ, không khởi tâm sân, một phần là sinh gần niềm vui của Bồ-tát. Đối với họ, Bồ-tát lìa ra khỏi tâm tham. Thời nay, tu Xả, không khởi tâm tham, nên nói rằng “theo thứ lớp lìa tham.”

Cách giải thích của Pháp sư Cơ cũng đồng với lối giải thích đó.

Lại nói “Lại, khiến chúng sinh lìa “hoặc”, tiến đến quả vị Thánh mà buông bỏ, gọi là Xả. Lại, vì oán, thân đều bình đẳng, nên gọi là Xả. Ở đây, cụng y cứ khiến chúng sinh lìa ba “hoặc”, ba hiện lạc ở trước chẳng có lợi ích. Xả một, khiến lìa ba “hoặc”, đương lai, sẽ thoát khỏi khổ, mới gọi là lợi ích.

3/ Dưới đây là thứ ba, phân biệt về môn nghĩa:

1) Nói về ba duyên có chung chung, không chung. Duyên hữu tình, chung với ngoại đạo. Về đạo lý, cũng chung với Nhị thừa. “Duyên” pháp chung với hàng Nhị thừa, nghĩa là Nhị thừa cũng quán chỉ pháp không có Nhân. “Duyên” pháp này không chung với ngoại đạo, vì các ngoại đạo đều có “ngã chấp”, nên không có “duyên” pháp. “Vô duyên” chỉ Đại thừa mới có.

2) Y cứ ở việc lợi lạc để phân biệt. Luận sư Cảnh nói “Ba Vô lượng trước chỉ gọi là ý yên vui, vì cho ích hiện tại và thế gian. Xả, gọi là ý lợi ích, vì cho đời sau và ích xuất thế.”

Pháp sư Thái nói “Ba Vô lượng trước chính thức có thể cứu khổ, cho vui, gọi là ý an vui, thuộc về lạc. Xả Vô lượng, trừ bỏ trái, thuận, bình đẳng, lợi vật, gọi là ý lợi ích, thuộc về lạc.

3) Nói về tên khác. Dưới đây là thứ hai, đối với mười khổ, nói riêng về ba Tu Bi, trong đó có ba:

- 1) Nói về đối khổ tu bi.
- 2) Nhân giải thích về nghĩa Đại bi.
- 3) Kết, khen thắng lợi của tu bi.

Trong phần trước lại có ba:

- 1) Nói chung đối với khổ, tu Bi.

2) Hỏi đáp, biện minh rộng về một trăm mười khổ.

3) Giải thích xong, tổng kết.

Y cứ trong phần nói về một trăm mười khổ, gồm có:

a) Y cứ ở năm mươi lăm khổ trong môn tăng một.

b) Y cứ riêng phần nói về năm mươi lăm khổ trong môn chín khổ.

Hai lượt như thế, như Giới kinh nói “Năm mươi lăm thứ trước, quán khổ của chúng sinh, năm mươi lăm thứ sau, tự quán nỗi khổ của mình.

Trong phần trước nói rằng “Nỗi khổ trôi lăn không có khác nhau, tức là khổ đế.”

Lại, có hai khổ v.v... Pháp sư Thái nói “Nói dục là nỗi khổ căn bản. Vì nhân dục, nên tham lam chấp mắc việc đáng yêu trong, ngoài. Những việc đáng yêu nếu đến khi đổi thay, hư hoại, thì sinh ra các khổ.”

Nói Dị thực si, nghĩa là đo thọ báo si, vì không có tuệ biết, nên, nếu bị Thế khổ mạnh mẽ, nhạy bén tăng thượng. Khi bị xúc chạm, tức thì ở nơi thân mình chấp ngã, ngã sở một cách ngu si, mê muội, thật là tự oán trách lẫn thay!

Vì thân, tâm đã bị mũi tên khổ bắn vào, nên không thể tự giải tỏa một cách sáng suốt. Nếu là người trí tuệ sáng suốt dù xúc chạm khổ đau, vẫn tự mình cởi mở, không có hai mũi tên.

Luận sư Cảnh nói “Thông thường, thọ khổ xúc chạm, chấp ngã, oán trách, thở than, tất nhiên, ở lúc tuổi hai mươi trở đi, nên nói là thế mạnh mẽ, nhạy bén, tiếp nhận đối tượng xúc chạm, chấp ngã, ngã sở v.v... Hiện đã chịu khổ, chính là do nghiệp trước đã cảm. Đến nay gặp phải khổ báo này, không biết nó đã xuất phát từ đâu? Nên gọi là Dị thực sinh ra khổ.

Duyên hiện tại sinh ra khổ, tức là dục trước là nỗi khổ căn bản, chỉ vì nghĩa khác nên có.

Trong thêm chín, Luận sư Cảnh nói “Pháp hư hoại, pháp hết, đây là y cứ ở nương tựa bên ngoài, dựa vào quả hư hoại, dứt hết, cho nên sinh khổ.”

Pháp sư Thái nói “Nỗi khổ khi pháp hư hoại, tan rã. Lúc có thể tan rã, sinh khổ.”

Nỗi khổ khi tận của pháp cùng tận, nghĩa là pháp có thể cùng tận, nếu đến khi hết, bèn sinh khổ lớn, ở trước chỉ hư hoại, không cùng tận.

Trong tám pháp, không nói khổ, chỉ nói ba thứ lợi v.v... tức nỗi

khổ đã nói trong đây, nên không nói khổ, nghĩa là như phẩm Tự lợi, tha lợi ở trước đã nói:

1) nhân vui, nay, trái lại nói là nhân khổ, cái gọi là nghiệp ác trái lại nghiệp thiện. Căn, cảnh thuận với khổ thọ xúc, trái với thuận Lạc thọ, nhân khổ.

2) Lạc thọ, nay trái lại nói là khổ thọ, tức thọ khổ.

3) Lạc đối trị khổ, nghĩa là đối được ăn v.v... Nay, trái lại khổ không được.

4) Thọ đoạn lạc, nghĩa là nhập Diệt định. Nay, trái lại là vì ở giai vị Hữu tâm, nên khổ.

5) Niềm vui xuất ly, tức vui xuất gia. Cho nên, dưới đây nói “Gia, tức nỗi khổ của tại gia.” Xa lìa, tức được Sơ định của cõi Sắc, xa lìa kiết cõi Dục. Nay, vì không được Sơ định cõi Sắc, nên có khổ của kiết cõi Dục.

Vắng lặng, tức định thứ hai là vui Tâm của Sơ Thiên. Nay, vì không lìa Sơ thiên, nên có khổ của Tâm.

Niềm vui Bồ-đề, tức ba Bồ-đề. Nay, vì ở địa vị phàm phu, Tâm là pháp của cõi Dục, như thứ lớp phối hợp.

Ba khổ trước trong năm khổ là khổ khổ, Kế là khổ Hoại, sau là Hành khổ.

“Lại, các Bồ-tát...” trở xuống, là thứ hai, nhân giải thích Đại Bi, trong đó có hai:

1) Nói về đối tượng duyên (sở duyên) của Đại Bi.

2) Giải thích nghĩa Đại. Cựu luận chia “nỗi khổ ép ngặt do tự mình tạo ra” trong Tân luận quyển sáu ra làm hai, nghĩa là khổ tự tạo ra và nỗi khổ bức não.” Lại có một nỗi khổ, đó là nỗi khổ do người khác tạo nên, ít hơn tất cả khổ trôi lăn thứ mười bốn và nỗi khổ theo đuổi thứ mười bảy, nên chỉ mười tám.

Nay, tám thứ trước trong mười chín đến trong năm mươi lăm nỗi khổ trước, mười một nỗi khổ sau đến trong năm mươi lăm khổ sau.

Hỏi “Vì sao chỉ ngần ấy nỗi Khổ đến, còn khổ khác không đến?”

Nghĩa là “Vì lấy tăng thượng trong mỗi môn, nghĩa là “đến” để làm cảnh của Đại Bi, cái gọi là nỗi khổ ngu si, tức khổ ngu si trong hai môn trước. Nỗi khổ rất ráo, tức khổ hành trong ba môn trước. Nhân khổ tức nhân khổ trong sáu môn trước. Sinh khổ, tức sinh khổ trong bảy môn.

Nỗi khổ bức não do tự tạo, nghĩa là nỗi khổ tự ép ngặt trong tám môn trước. Nỗi khổ hao hụt, suy đồi của giới, tức nỗi Khổ hao hụt, suy

đôi của giới trong chín môn trước.

Nỗi khổ của nhân đời trước, là năm mươi lăm khổ sau. Nhân đời trước trong hai môn trong đã sinh ra khổ.

Nỗi khổ rộng lớn, tức là tên chung trong bốn môn. Nỗi khổ Na Lạc Ca, tức khổ Na Lạc Ca trong bốn môn. Nỗi khổ thuộc về đường lành, lại là nỗi khổ đường lành trong bốn môn. Tất cả nỗi khổ do tà hạnh sinh ra, tức là tên khổ chung trong năm môn.

Tất cả nỗi khổ trôi lăn, tức là tên khổ chung trong sáu môn. Nỗi khổ không có trí, nghĩa là nỗi khổ của hiện hạnh không có trí trong bảy môn. khổ tăng trưởng, nghĩa là phiền não tham v.v... của các người xuất gia trong tám môn Tăng ích sinh khổ. Nỗi khổ theo đuổi tức tên khổ thứ tám trong chín môn. Thọ khổ tức khổ thọ trong mười môn. Nỗi khổ thô nặng của phiền não ba cõi trong mười môn.

Trong Hiển Dương, giải thích rộng năm mươi nỗi khổ khác. Nhưng hơi khác với luận này.

Kế là, giải thích về nghĩa Đại, do bốn duyên, nên Bi, gọi là Đại Bi v.v... nghĩa là nếu Bi ở Bốn Vô lượng, gọi là Bi, không gọi là Đại Bi, còn chung với Thanh văn, Bồ-tát sơ địa trở lên cũng có. Nếu Bi gọi là Đại Bi, chỉ ở Phật địa và Địa thứ mười.

Hỏi “Vì sao Sơ địa đến cửu Địa không gọi là Đại Bi?”

Nghĩa là “Do bốn duyên mới được gọi là Đại Bi. Cửu Địa trở xuống, dù Bồ-tát có “duyên” khổ hạnh rất sâu và hai nhân duyên tác ý mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng vì không có tập trong thời gian dài và nhân duyên rất thanh tịnh. Do ba duyên tập v.v... trong thời gian dài, nên rất thanh tịnh, chủ yếu là Địa thứ mười v.v... Vì thế, nên Bồ-tát cửu Địa trở xuống không gọi là Đại Bi.”

Dưới đây trở là kết khen thắng lợi. Trong đó, 1/ Trước là khen ngợi. 2/ Nói về sự thắng lợi. 3/ Dẫn thuyết về chứng thành. Thắng lợi có hai:

- 1) Nói về thắng lợi tu Bi của Địa tiền.
- 2) Nói về thắng lợi tu Bi của Địa thượng.

Địa tiền có hai:

a) Nói về Địa tiền do tu Bi, nên nhanh chóng nhập Địa, được sáu thứ tâm.

b) Vượt qua tâm nhàm lìa Vô học Kiến đạo của Tiểu thừa.

Tâm hạnh trước của Bi, nghĩa là Địa tiền tu Bi, chính là tâm hạnh trước của Bi Sơ địa, chính thức quán hữu tình đọa ở một trăm thứ mười thứ uẩn khổ cực đại.

Dưới đây là dẫn thuyết để chứng thành: Hoàn toàn khác với Cựu luận. Luận ấy nói “Nếu có người hỏi “Ai được gọi là Bồ-tát?”, thì nên chính thức đáp “Là người trụ Đại Bi.”

Trên đây, giải thích tu bốn Vô lượng. Đoạn văn lớn có ba. Hai đoạn trước ở giữa đã giải thích xong.

Dưới đây là tổng kết khen tướng thắng lợi của bốn đẳng:

- 1) Tổng kết khen
- 2) Nói được bốn thắng lợi Bốn thắng lợi đó là:
  - 1) Được trụ hiện pháp lạc
  - 2) Được tư lương của phước
  - 3) Ý lạc vững chắc đối với Bồ-đề.
  - 4) Là khổ sinh nhân.

-----